

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG CHÍNH QUY**  
**NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

| STT        | TÊN MÔN HỌC                                        | SỐ TÍN CHỈ |          |          |          |          |           | TỔNG TÍN CHỈ |
|------------|----------------------------------------------------|------------|----------|----------|----------|----------|-----------|--------------|
|            |                                                    | LT         | THC      | TH CN    | TH xướng | Tự học   | GDTC GDQP |              |
| <b>I</b>   | <b>Tổng chương trình môn học HK1</b>               | <b>11</b>  | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>9</b>  | <b>20</b>    |
| 1          | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1, 2, 3             |            |          |          |          |          | 8         | 8            |
| 2          | Giáo dục thể chất 1                                |            |          |          |          |          | 1         | 1            |
| 3          | Những NL CB chủ nghĩa Mác-LêNin 1                  | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 4          | Kỹ năng giao tiếp và văn hóa DN                    | 3          |          |          |          |          |           | 3            |
| 5          | Toán ứng dụng                                      | 4          |          |          |          |          |           | 4            |
| 6          | Anh văn căn bản 1                                  | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| <b>II</b>  | <b>Tổng chương trình môn học HK2</b>               | <b>12</b>  | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>1</b> | <b>1</b>  | <b>16</b>    |
| 1          | Giáo dục thể chất 2                                |            |          |          |          |          | 1         | 1            |
| 2          | Những NL CB chủ nghĩa Mác-LêNin 2                  | 3          |          |          |          |          |           | 3            |
| 3          | Pháp luật đại cương                                | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 4          | Tin học đại cương                                  | 1          | 2        |          |          | 1        |           | 4            |
| 5          | Anh văn căn bản 2                                  | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 6          | Hóa học đại cương                                  | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 7          | Cơ sở khoa học kỹ thuật môi trường                 | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| <b>III</b> | <b>Tổng chương trình môn học HK3</b>               | <b>16</b>  | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>1</b>  | <b>17</b>    |
| 1          | Giáo dục thể chất 3                                |            |          |          |          |          | 1         | 1            |
| 2          | Tư tưởng Hồ Chí Minh                               | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 3          | Vật lý đại cương                                   | 3          |          |          |          |          |           | 3            |
| 4          | Anh văn căn bản 3                                  | 3          |          |          |          |          |           | 3            |
| 5          | Thủy lực môi trường                                | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 6          | Vi sinh kỹ thuật môi trường                        | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 7          | Hình họa - vẽ kỹ thuật                             | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 8          | Kỹ thuật điện                                      | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng chương trình môn học HK4</b>               | <b>11</b>  | <b>0</b> | <b>1</b> | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>0</b>  | <b>14</b>    |
| 1          | Đường lối CM của ĐCS Việt Nam                      | 3          |          |          |          |          |           | 3            |
| 2          | Cơ sở công nghệ xử lý nước cấp                     | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 3          | Mạng lưới cấp thoát nước                           | 3          |          |          |          |          |           | 3            |
| 4          | CAD                                                | 1          |          | 1        |          |          |           | 2            |
| 5          | Phân tích và quan trắc môi trường                  | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 6          | Thực tập quan trắc vi sinh vật môi trường          |            |          |          | 2        |          |           | 2            |
| <b>V</b>   | <b>Tổng chương trình môn học HK5</b>               | <b>9</b>   | <b>0</b> | <b>1</b> | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>0</b>  | <b>12</b>    |
| 1          | Cơ sở CN xử lý khí thải và tiếng ồn                | 2          |          | 1        |          |          |           | 3            |
| 2          | Hóa kỹ thuật môi trường                            | 3          |          |          |          |          |           | 3            |
| 3          | Luật và chính sách môi trường                      | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 4          | Cơ sở công nghệ xử lý nước thải                    | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 5          | Thực tập quan trắc và phân tích môi trường         |            |          |          | 2        |          |           | 2            |
| <b>VI</b>  | <b>Tổng chương trình môn học HK6</b>               | <b>6</b>   | <b>0</b> | <b>1</b> | <b>3</b> | <b>0</b> | <b>0</b>  | <b>10</b>    |
| 1          | Cơ sở CN xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại | 2          |          | 1        |          |          |           | 3            |
| 2          | Độc học môi trường                                 | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 3          | Sinh thái học                                      | 2          |          |          |          |          |           | 2            |
| 4          | Tham quan nhận thức                                |            |          |          | 1        |          |           | 1            |
| 5          | Thực hành xử lý nước                               |            |          |          | 2        |          |           | 2            |
| <b>VII</b> | <b>Tổng chương trình môn học HK7</b>               | <b>8</b>   | <b>0</b> | <b>5</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b>  | <b>13</b>    |
| 1          | Công nghệ xử lý nước nâng cao + BTL                | 2          |          | 1        |          |          |           | 3            |
| 2          | Đánh giá tác động môi trường                       | 2          |          |          |          |          |           | 2            |

|                     |                                 |    |   |   |   |   |    |     |
|---------------------|---------------------------------|----|---|---|---|---|----|-----|
| 3                   | Quản lý môi trường              | 2  |   |   |   |   |    | 2   |
| 4                   | Công nghệ sản xuất sạch hơn     | 2  |   |   |   |   |    | 2   |
| 5                   | Thực tập cuối khóa (MÔI TRƯỜNG) |    |   | 4 |   |   |    | 4   |
| TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA |                                 | 73 | 2 | 8 | 7 | 1 | 11 | 102 |

\* Ghi chú:

|          |                        |
|----------|------------------------|
| LT       | Lý thuyết              |
| THC      | Thực hành môn chung    |
| TH CN    | Thực hành chuyên ngành |
| TH xưởng | Thực hành xưởng        |